

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/09/2010

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+14+150)	98,667,249,502.00	83,619,375,263.00
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5,658,301,214.00	377,175,863.00
1. Tiền	5,658,301,214.00	377,175,863.00
2. Các khoản tương đương tiền	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
III. Các khoản phải thu	64,236,485,131.00	45,141,412,565.00
1. Phải thu của khách hàng	64,575,265,592.00	45,446,444,647.00
2. Trả trước cho người bán	102,000,000.00	44,000,000.00
3. Phải thu nội bộ	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
5. Phải thu khác	-	91,748,379.00
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	(440,780,461.00)	(440,780,461.00)
IV. Hàng tồn kho	28,545,929,963.00	31,328,301,497.00
1. Hàng tồn kho	28,545,929,963.00	31,328,301,497.00
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	226,533,194.00	6,772,485,338.00
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	3,249,322,885.00
5. Tài sản ngắn hạn khác	226,533,194.00	3,523,162,453.00
B. Tài sản dài hạn	30,189,111,571.00	21,492,937,534.00
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-
II. Tài sản cố định	29,589,111,571.00	20,892,937,534.00
1. Tài sản cố định hữu hình	22,541,647,966.00	20,793,455,977.00
- Nguyên giá	52,490,765,398.00	44,896,278,234.00
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(29,949,117,432.00)	(24,102,822,257.00)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	-	-

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
4. Chi phí xây dựng dở dang	7,047,463,605.00	99,481,557.00
III. Bất động sản đầu tư	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	600,000,000.00	600,000,000.00
1. Đầu tư vào công ty con	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	600,000,000.00	600,000,000.00
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	128,856,361,073.00	105,112,312,797.00
Nguồn Vốn	-	-
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	85,077,056,968.00	67,580,848,352.00
I. Nợ ngắn hạn	77,263,064,317.00	60,033,887,019.00
1. Vay và nợ ngắn hạn	53,357,669,218.00	27,445,060,792.00
2. Phải trả người bán	12,979,097,516.00	23,672,674,351.00
3. Người mua trả tiền trước	-	45,829,661.00
4. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	2,989,366,237.00	3,725,809,490.00
5. Phải trả công nhân viên	2,413,753,074.00	2,822,362,764.00
6. Chi phí phải trả	1,600,595,059.00	1,725,353,103.00
7. Phải trả nội bộ	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,004,595,661.00	347,426,676.00
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,917,987,552.00	249,370,182.00
II. Nợ dài hạn	7,813,992,651.00	7,546,961,333.00
1. Phải trả dài hạn người bán	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	6,359,853,658.00	6,046,970,958.00
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1,454,138,993.00	1,499,990,375.00
7. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	43,779,304,105.00	37,531,464,445.00
I. Vốn chủ sở hữu	43,779,304,105.00	37,531,464,445.00

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18,983,640,000.00	18,983,640,000.00

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	13,289,554.00
7. Quỹ đầu tư phát triển	10,249,255,411.00	1,519,403,148.00
8. Quỹ dự phòng tài chính	3,418,298,110.00	1,696,609,484.00
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11,128,110,584.00	15,318,522,259.00
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	-	-
1. Nguồn kinh phí	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
Tổng cộng nguồn vốn	128,856,361,073.00	105,112,312,797.00
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	-	-
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-
6. Dự toán chi hoạt động	-	-
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có	-	-

Giám đốc công ty

Kế toán trưởng

BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH QUÍ III

Chỉ tiêu	Mã số	Quý III	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1	76,388,813,302	235,024,783,316
2. Các khoản giảm trừ	2	8,000,000	8,000,000
3. Doanh thu thuần BH và c/c dịch vụ (10=01-02)	10	76,380,813,302	235,016,783,316
4. Giá vốn hàng bán	11	65,179,540,163	202,029,119,166
5. Lợi nhuận gộp BH và c/c dịch vụ (20=10-11)	20	11,201,273,139	32,987,664,150
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	122,398,666	199,437,969
7. Chi phí tài chính	22	2,536,382,701	6,469,803,382
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	1,885,481,763	4,877,243,482
8. Chi phí bán hàng	24	2,479,237,551	7,430,779,649
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1,551,429,601	4,407,763,586
10. Lợi nhuận thuần {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	4,756,621,952	14,878,755,502
11. Thu nhập khác	31	19,628,450	113,001,907
12. Chi phí khác	32	113,864,062	151,943,297
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(94,235,612)	(38,941,390)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	4,662,386,340	14,839,814,112
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,165,596,585	3,711,703,528
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-51)	60	3,496,789,755	11,128,110,584
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	-	-

Giám đốc công ty

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý III năm 2010

Chỉ tiêu	từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD	-	-
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	194,745,131,377	178,866,580,296
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	12,218,990,333	23,647,575,068
3. Tiền chi trả cho người lao động	12,008,359,113	8,963,142,037
4. Tiền chi trả lãi vay	3,910,131,071	1,140,604,882
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5,237,940,550	1,603,340,100
6. Tiền thu khách từ hoạt động kinh doanh	58,738,366,383	34,906,173,659
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	73,212,220,207	56,760,837,916
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	146,895,856,486	121,657,253,952
	-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	7,349,014,057	1,735,449,458
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27,916,526	18,585,724
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(7,321,097,531)	(1,716,863,734)
	-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN P	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	18,800,000,000	3,243,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	153,092,981,770	124,786,583,877
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(134,292,981,770)	(121,543,583,877)
	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	5,281,777,185	(1,603,193,659)
Tiền tương đương tiền đầu kỳ	377,175,863	2,153,945,891
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	651,834	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	5,658,301,214	550,752,232

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm 2010
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh tiền thân là Nhà máy Nhựa - Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác kinh tế - Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03/01/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần 02 (hai) ngày 14/4/2008.

Trụ sở chính: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/9/2010 là: **18.983.640.000** đồng (*Mười tám tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Cơ cấu vốn điều lệ:

Đối tượng góp vốn:	Số cổ phần	Số tiền (Đồng)	Tỷ lệ (%)
Công ty Hợp tác Kinh tế - Quân khu 4	967.578	9.675.780.000	51
Các cổ đông khác	930.786	9.307.860.000	49
Tổng	1.898.364	18.983.640.000	100

2- Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/9/2010, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại bao bì xi măng, bao bì PP, bao bì PE.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Sản xuất, mua bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; in bao bì;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy krap, máy móc sản xuất bao bì...);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán quý III năm 2010 được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/9/2010.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam.

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh trong Báo cáo tài chính của Công ty theo nguyên tắc giá gốc

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

6- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có số chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ thực hiện theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận: lợi nhuận được tạm phân phối căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty và chính thức được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

Chi phí tài chính được ghi nhận trong kỳ là chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện, Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 25%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

11- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế Giá trị gia tăng: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1- Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Tiền mặt tại quỹ	475.103.040	9.477.439
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.149.349.324	367.698.424
Tiền đang chuyển	3.033.848.850	0
Cộng	5.658.301.214	377.175.863

2- Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Phải thu về tiền trợ cấp BHXH		83.502.932
Phí mở LC		8.245.447
Trả tiền mua Nguyên vật liệu (*)		0
Cộng		91.748.379

3- Hàng tồn kho

	30/09/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Nguyên liệu, vật liệu	16.585.779.007	23.087.049.178
Công cụ, dụng cụ	622.769.509	302.385.114
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.150.061.564	6.688.346.227
Thành phẩm	2.980.870.367	1.250.520.978

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/9/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Hàng gửi đi bán	206.449.516	0
Cộng giá gốc hàng tồn kho	28.545.929.963	31.328.301.497

4- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Đồng

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	4.724.291.099	38.081.044.409	1.704.536.635	386.406.091	44.896.278.234
Tăng do mua sắm	22.763.310	7.516.360.215		55.363.639	7.594.487.164
Tại ngày 30/9/2010	4.747.054.409	45.597.404.624	1.704.536.635	441.769.730	52.490.765.398
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	2.276.722.881	21.051.336.004	565.904.492	208.858.880	24.102.822.257
Khấu hao trong năm	295.079.677	5.291.444.791	187.819.589	71.951.118	5.847.989.934
Tại ngày 30/9/2010	2.571.802.558	26.342.780.795	753.724.081	280.809.998	29.949.117.432
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	2.447.568.218	17.029.708.405	1.138.632.143	177.547.211	20.793.455.977
Tại ngày 30/9/2010	2.175.251.851	19.254.623.829	950.812.554	160.959.732	22.541.647.966

5- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

	30/09/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Mua sắm TSCĐ	3.073.190.000	61.601.557
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.974.273.605	37.880.000
+ Dự án Nhà máy sản xuất bao bì Nghi Xuân tại Khu công nghiệp Nam Cẩm	3.073.190.000	37.880.000
Cộng	7.047.463.605	99.481.557

6- Đầu tư dài hạn khác

	30/09/2010		01/01/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (Đồng)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (Đồng)
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hợp Sơn	60.000	600.000.000	60.000	600.000.000
Cộng	60.000	600.000.000	60.000	600.000.000

7- Vay và nợ ngắn hạn

30/09/2010	01/01/2010
Đồng	Đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
 Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán
 từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/9/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Vay ngắn hạn ngân hàng	39.290.424.218	22.677.815.792
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	29.672.378.286	20.928.614.130
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	9.618.045.932	1.749.201.662
Vay ngắn hạn cá nhân (*)	14.067.245.000	4.767.245.000
Vay dài hạn đến hạn trả	263.950.000	1.214.530.300
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh		507.730.300
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	263.950.000	706.800.000
Cộng	53.621.619.218	28.659.591.092

(*): Trong kỳ kế toán từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/9/2010 Công ty vay ngắn hạn của các cá nhân với lãi suất theo lãi suất công bố của Ngân hàng.

8- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Thuế giá trị gia tăng	759.424.585	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.199.572.468	3.725.809.490
Thuế thu nhập cá nhân	30.369.184	0
Cộng	2.989.366.237	3.725.809.490

9- Chi phí phải trả

	30/09/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Tiền lương phép phải trả	397.773.000	547.634.202
Chi phí lãi vay phải trả	174.630.045	58.701.227
Trích trước tiền điện sản xuất	495.800.014	532.688.713
Trích trước tiền vận chuyển	532.392.000	586.328.961
Cộng	1.600.595.059	1.725.353.103

10- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Kinh phí công đoàn	172.731.585	282.809.119
Bảo hiểm xã hội	39.408.269	50.372.533
Bảo hiểm thất nghiệp	95.455.807	0
Mua nguyên liệu của Nguyễn Ngọc Hải (*)	697.000.000	0
Phải trả, phải nộp khác		14.245.024
Cộng	1.004.595.661	347.426.676

(*): đây là khoản Công ty tạm ghi nhận giá trị Nguyên vật liệu nhập kho mua của Nguyễn Ngọc Hải nhưng chưa nhận được hóa đơn GTGT.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
 Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán
 từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/9/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11- Vay và nợ dài hạn

	30/09/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Vay dài hạn		4.832.440.658
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	2.763.734.658	2.715.191.658
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	3.332.169.000	2.117.249.000
Nợ dài hạn	0	0
Cộng	6.095.903.658	4.832.440.658

12- Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2009	18.983.640.000	0	1.164.760.319	1.302.561.896	1.592.511.657	23.043.473.872
Lãi trong năm trước	0	0	0	0	17.216.886.259	17.216.886.259
Tăng khác	0	13.289.554	0	0	0	13.289.554
Phân phối lợi nhuận	0	0	354.642.829	394.047.588	(3.490.875.657)	(2.742.185.240)
Tại ngày 01/01/2010	18.983.640.000	13.289.554	1.519.403.148	1.696.609.484	15.318.522.259	37.531.464.445
Lãi trong kỳ	0	0	0	0	11.128.110.584	7.547.298.758
Tăng khác	0	0	0	0	0	419.907.066
Phân phối lợi nhuận	0	0	8.729.852.263	1.721.688.626	(15.318.522.259)	(4.866.981.370)
Giảm khác	0	(13.289.554)	0	0	0	(13.289.554)
Tại ngày 30/6/2010	18.983.640.000		10.249.255.411	3.418.298.110	11.128.110.584	43.779.304.105

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Vốn góp của Công ty Hợp tác Kinh tế - Quận khu 4	9.675.780.000	9.675.780.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.307.860.000	9.307.860.000
Cộng	18.983.640.000	18.983.640.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Từ 01/01/2010 đến ngày 30/9/2010	Năm 2009
	Đồng	Đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.983.640.000	18.983.640.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
 Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán
 từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/9/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	18.983.640.000	18.983.640.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	15.318.522.259	3.490.875.657

đ. Cổ phiếu

	30/09/2010	01/01/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.898.364	1.898.364
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.898.364	1.898.364
+ Cổ phiếu phổ thông	1.898.364	1.898.364
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.898.364	1.898.364
+ Cổ phiếu phổ thông	1.898.364	1.898.364

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e- Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Quỹ đầu tư phát triển	10.249.255.411	1.519.403.148
Quỹ dự phòng tài chính	3.418.298.110	1.696.609.484

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.388.813.302	69.569.822.307	235.024.783.316	196.535.469.702
Trong đó:				
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	76.388.813.302	69.569.822.307	235.024.783.316	196.535.469.702
26- Các khoản giảm trừ doanh	8.000.000		8.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/9/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

thu

27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.380.813.302	69.569.822.307	235.016.783.316	196.535.469.702
--	-----------------------	-----------------------	------------------------	------------------------

28- Giá vốn hàng bán

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	65.179.540.163	58.030.029.098	202.029.119.166	163.182.063.474
Cộng	65.179.540.163	58.030.029.098	202.029.119.166	163.182.063.474

29- Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.700.404	7.264.858	27.916.525	18.585.724
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	107.698.262		171.521.443	
Cộng	122.398.666	7.264.858	199.437.969	18.585.724

30- Chi phí hoạt động tài chính

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
Chi phí lãi tiền vay	1.885.481.763	447.110.015	4.877.243.482	1.806.095.170
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	650.900.938	363.424.552	1.592.559.900	1.711.290.868
Cộng	2.536.382.701	810.534.567	6.469.803.382	3.517.386.038

31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
Chi phí thuế TNDN	1.165.596.585	1.735.197.560	3.711.703.528	4.222.437.234

32- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.940.894.417	50.376.180.810	166.595.634.150	133.833.523.240
Chi phí nhân công	4.885.593.367	4.629.264.026	14.186.114.998	12.599.400.009
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.905.901.300	1.898.112.036	5.846.295.175	5.255.497.456

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
 Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán
 từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/9/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.591.312.758	3.856.310.560	11.312.349.486	10.974.183.136
Chi phí khác bằng tiền	1.531.909.034	1.371.376.345	3.808.712.433	4.271.441.306
Cộng	65.855.610.876	62.131.243.777	201.749.106.242	166.934.045.147

33- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng	Năm nay Đồng	Năm trước Đồng
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.496.789.755	5.187.729.660	11.128.110.584	14.926.733.054
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.496.789.755	5.187.729.660	11.128.110.584	14.926.733.054
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.898.364	1.898.364	1.898.364	1.898.364
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.842,00	2.732,73	5.861,94	7.862,94

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/9/2010.

Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Kế toán trưởng

Vinh, ngày tháng 10 năm 2010
 Giám đốc

Trần Thị Hồng Thái

Nguyễn Xuân Hải